

XÂY DỰNG THANG ĐO ĐỊNH TÍNH VÀ ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN THỂ THAO BIỂN TẠI KHU VỰC DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG VIỆT NAM

Phạm Tuấn Hùng⁽¹⁾; Huỳnh Việt Nam⁽²⁾

Tóm tắt:

Nghiên cứu này trình bày quá trình xây dựng thang đo định tính MSDI (Marine and Beach Sports Development Index) nhằm đánh giá tiềm năng phát triển thể thao biển tại 14 tỉnh thuộc khu vực duyên hải miền Trung Việt Nam, từ Thanh Hóa đến Bình Thuận. Thang đo được xây dựng dựa trên năm yếu tố chính: điều kiện tự nhiên, cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, khả năng thu hút và quảng bá, cùng tác động kinh tế. Kết quả phân tích cho thấy Đà Nẵng, Khánh Hòa, và Bình Thuận đạt tiềm năng cao (MSDI = 3.0), bảy tỉnh có tiềm năng trung bình (MSDI từ 1.8 đến 2.4), và bốn tỉnh thuộc nhóm tiềm năng thấp (MSDI từ 1.0 đến 1.3). Nghiên cứu cung cấp cơ sở khoa học để định hướng chiến lược phát triển bền vững thể thao biển tại khu vực, đồng thời làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến tiềm năng khai thác.

Từ khóa: Thể thao biển, thang đo định tính, MSDI, duyên hải miền Trung, phát triển bền vững.

Building a qualitative scale and evaluating the potential for marine sports development in the central coastal region of Vietnam

Summary:

This study presents the process of building a qualitative scale MSDI (Marine and Beach Sports Development Index) to assess the potential for marine sports development in 14 provinces in the central coastal region of Vietnam, from Thanh Hoa to Binh Thuan. The scale is built on five main factors: natural conditions, infrastructure, human resources, attraction and promotion capacity, and economic impact. The analysis results show that Da Nang, Khanh Hoa, and Binh Thuan have high potential (MSDI = 3.0), seven provinces have medium potential (MSDI from 1.8 to 2.4), and four provinces are in the low potential group (MSDI from 1.0 to 1.3). The study provides a scientific basis for orienting the sustainable development strategy for marine sports in the region, while clarifying the factors affecting exploitation potential.

Keywords: Marine sports, qualitative scale, MSDI, Central Coast, sustainable development.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Thể thao biển đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao sức khỏe cộng đồng, thúc đẩy du lịch và tăng trưởng kinh tế tại các khu vực ven biển. Với bờ biển dài hơn 3.260 km, khu vực duyên hải miền Trung Việt Nam, từ Thanh Hóa đến Bình Thuận, sở hữu tiềm năng lớn cho các hoạt động thể thao biển nhờ các bãi biển nổi tiếng như Mỹ Khê (Đà Nẵng), Nha Trang (Khánh Hòa), và Mũi Né (Bình Thuận). Tuy nhiên, dữ liệu định lượng chi tiết về cơ sở hạ tầng, nhân lực và đóng góp kinh tế tại nhiều địa phương còn hạn chế, đòi hỏi một phương pháp định tính để đánh giá tiềm năng phát triển.

Phương pháp định tính đã được chứng minh hiệu quả trong việc phân tích các yếu tố bối cảnh phức tạp trong lĩnh vực thể thao (Côté & Martin, 2010; Noble, 2011). Quốc tế, Ahmad & Hanafi (2018) áp dụng phỏng vấn sâu để đánh giá du lịch biển tại Malaysia, trong khi Kim & Lee (2020) sử dụng phương pháp IPA tại Hàn Quốc. Tại Việt Nam, khung đánh giá du lịch ven biển của Tran (2021) đã đặt nền tảng, nhưng thiếu công cụ định tính chuyên biệt cho thể thao biển.

Nghiên cứu này nhằm xây dựng thang đo định tính MSDI để đánh giá tiềm năng phát triển thể thao biển tại 14 tỉnh duyên hải miền Trung, đồng

⁽¹⁾TS, Khoa Giáo dục Thể chất - Trường Đại học Đà Nẵng

⁽²⁾TS, Trường Đại học TDTT Đà Nẵng

thời phân tích thực trạng, cung cấp cơ sở khoa học cho các chiến lược phát triển bền vững.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Xây dựng thang đo định tính

Thang đo MSDI được phát triển dựa trên cơ sở lý thuyết quốc tế và thực tiễn khu vực, tập trung vào năm yếu tố chính:

1.1. Điều kiện tự nhiên: Đánh giá số lượng, chất lượng bãi biển, điều kiện gió, và chất lượng nước biển (Nguyen, 2018).

1.2. Cơ sở vật chất: Xem xét trung tâm huấn luyện, thiết bị thể thao, và khả năng tổ chức sự kiện (Le, 2020).

1.3. Nguồn nhân lực: Phân tích nhân sự, trình độ chuyên môn, và mức độ tham gia tập luyện cộng đồng (Smith, 2017).

1.4. Khả năng thu hút và quảng bá: Tập trung vào chính sách hỗ trợ, sự kiện, và hiệu quả quảng bá (Pham, 2021).

1.5. Tác động kinh tế: Đo lường doanh thu, việc làm, và lượng du khách tham gia (Kumar, 2016).

Mỗi yếu tố được phân loại thành ba mức độ (thấp, trung bình, cao) dựa trên tiêu chí định lượng cụ thể. MSDI được tính bằng trung bình cộng của năm yếu tố, với ngưỡng:

- $MSDI \geq 2.5$: Tiềm năng cao
- $1.5 \leq MSDI < 2.5$: Tiềm năng trung bình
- $MSDI < 1.5$: Tiềm năng thấp

2. Thu thập dữ liệu

Dữ liệu được thu thập từ:

- Nguồn công khai: Báo cáo Niên giám thống kê (General Statistics Office of Vietnam – GSO) 2023-2024, Cục Du lịch Quốc gia, Vietnam Tourism, Tripadvisor, cập nhật đến tháng 9/2024.

- Khảo sát thực địa: Phỏng vấn 30 chuyên gia và nhà quản lý (2-3 người/tỉnh) tại 14 tỉnh từ tháng 6 đến tháng 9/2023.

3. Phân tích dữ liệu

Dữ liệu được phân tích định tính bằng cách đánh giá từng yếu tố theo tiêu chí đã xác định, kết hợp với phân tích dữ liệu lớn từ các nguồn công khai. Phương pháp định tính tập trung vào việc tổng hợp và đối chiếu dữ liệu từ GSO, Tripadvisor, và khảo sát để tính MSDI, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Phân tích dữ liệu tổng hợp được thực hiện bằng cách khai thác khối lượng dữ liệu từ các nguồn trực tuyến (Tripadvisor, Vietnam Tourism) và báo cáo thống kê (GSO), báo cáo địa phương. Công cụ xử lý dữ liệu R được sử dụng để trích xuất thông tin liên quan, sau đó chuẩn hóa và tích hợp với dữ liệu khảo sát. Kết quả được phân loại tiềm năng dựa trên ngưỡng MSDI, đảm bảo tính khách quan dựa trên kiểm tra chéo giữa các nguồn.

4. Kiểm định độ tin cậy

Để đảm bảo độ tin cậy, thang đo MSDI được kiểm định qua bốn tiêu chí (Lincoln & Guba, 1985):

- Độ tin cậy nội tại: Kiểm tra chéo dữ liệu từ GSO, Tripadvisor, khảo sát; ý kiến ba chuyên gia đạt đồng thuận 90%.

- Độ ổn định: Hai nhà nghiên cứu độc lập đánh giá năm tỉnh mẫu, sai số trung bình 0.08 (2.67%).

- Tính xác nhận: Đối chiếu MSDI với dữ liệu thực tế, hệ số Spearman 0.975.

- Tính áp dụng: Thử nghiệm tại Kiên Giang ($MSDI = 2.5$), phù hợp thực trạng Phú Quốc.

Những bước kiểm định đã được thực hiện, chứng minh thang đo MSDI có độ tin cậy cao trong bối cảnh nghiên cứu.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Thang đo định tính MSDI

Thang đo MSDI được xây dựng với năm yếu tố chính, mỗi yếu tố dựa trên các tiêu chí cụ thể để đánh giá tiềm năng phát triển thể thao biển. Các tiêu chí này được tổng hợp từ dữ liệu thực tế và lý thuyết, đảm bảo tính khoa học và phù hợp với bối cảnh khu vực, như trình bày trong bảng 1.

Thang đo MSDI khắc phục hạn chế dữ liệu định lượng, cung cấp cơ sở phân tích toàn diện nhờ các tiêu chí rõ ràng và nguồn dữ liệu đa dạng từ GSO, Tripadvisor, Vietnam Tourism, và khảo sát thực địa.

Cách tính MSDI

Trước khi đánh giá tiềm năng, MSDI được tính dựa trên dữ liệu tổng hợp từ các nguồn công khai và khảo sát thực địa. Quy trình bao gồm:

1. Thu thập dữ liệu: Tổng hợp thông tin từ GSO (số liệu thống kê), Tripadvisor (đánh giá

Bảng 1. Tiêu chí đánh giá của năm yếu tố trong thang đo MSDI

Yếu tố	Tiêu chí mức thấp (1 điểm)	Tiêu chí mức trung bình (2 điểm)	Tiêu chí mức cao (3 điểm)	Nguồn dữ liệu hỗ trợ
Điều kiện tự nhiên	Dưới 2 bãi biển, gió dưới 4 tháng, nước ô nhiễm (> 20 NTU, > 1000 MPN/100ml)	2-4 bãi biển, gió 4-6 tháng, nước tương đối sạch (10-20 NTU, 500-1000 MPN/100ml)	Trên 4 bãi biển, gió từ 8 tháng, nước trong sạch (< 10 NTU, < 500 MPN/100ml)	GSO, Tripadvisor, Vietnam Tourism
Cơ sở vật chất	Dưới 20 cơ sở, thiết bị dưới 50% nhu cầu, sự kiện dưới 100 người	20-49 cơ sở, thiết bị 50-75% nhu cầu, sự kiện 100-500 người	Từ 50 cơ sở, thiết bị trên 75% nhu cầu, sự kiện trên 500 người	GSO, Vietnam Tourism, khảo sát thực địa
Nguồn nhân lực	Dưới 20 nhân sự, dưới 30% có chứng chỉ, tham gia dưới 5%	20-75 nhân sự, 30-60% có chứng chỉ, tham gia 5-15%	Trên 75 nhân sự, trên 60% có chứng chỉ, tham gia trên 15%	GSO, Sở Du lịch, khảo sát thực địa
Khả năng thu hút và quảng bá	Không chính sách, dưới 1 sự kiện, dưới 50.000 du khách	1-2 chính sách, 1-2 sự kiện, 50.000-500.000 du khách	Trên 2 chính sách, trên 2 sự kiện, trên 500.000 du khách	Cục Du lịch Quốc gia, GSO, Vietnam Tourism
Tác động kinh tế	Doanh thu dưới 1 triệu USD, dưới 50 việc làm, dưới 50.000 du khách	Doanh thu 1-10 triệu USD, 50-200 việc làm, 50.000-500.000 du khách	Doanh thu trên 10 triệu USD, trên 200 việc làm, trên 500.000 du khách	GSO, Tripadvisor

* Chú thích:

1) NTU (Nephelometric Turbidity Unit): Đơn vị đo độ đục

2) MPN/100ml (Most Probable Number per 100 liters): Mật độ khuẩn lạc trong 100 ml.

bãi biển, du khách), Vietnam Tourism (sự kiện, hạ tầng), và khảo sát 30 chuyên gia/nhà quản lý ở 14 tỉnh.

2. Đánh giá yếu tố: Mỗi yếu tố được so sánh với tiêu chí trong Bảng 1 để xác định mức độ (thấp, trung bình, cao), dựa trên ngưỡng định lượng.

3. Tính toán MSDI: Tổng hợp giá trị của năm yếu tố, chia trung bình và làm tròn đến một chữ số thập phân.

Công thức:

$MSDI = [(\text{Điểm điều kiện tự nhiên}) + (\text{Điểm cơ sở vật chất}) + (\text{Điểm nguồn nhân lực}) + (\text{Điểm hút hút, quảng bá}) + (\text{Điểm tác động kinh$

tế)]/ 5

2. Đánh giá tiềm năng phát triển thể thao biển

Kết quả MSDI tại 14 tỉnh được tổng hợp trong bảng 2, phản ánh sự khác biệt trong khả năng khai thác thể thao biển.

Qua bảng 2 cho thấy:

- Nhóm tiềm năng cao (Đà Nẵng, Khánh Hòa, Bình Thuận) nổi bật với điều kiện tự nhiên ưu việt, cơ sở vật chất hiện đại, nhân lực chuyên nghiệp, khả năng quảng bá mạnh mẽ, và tác động kinh tế vượt trội.

- Nhóm tiềm năng trung bình (Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú

Bảng 2. Chỉ số MSDI và phân loại tiềm năng phát triển thể thao biển

Tỉnh	Điều kiện tự nhiên	Cơ sở vật chất	Nguồn nhân lực	Khả năng thu hút và quảng bá	Tác động kinh tế	MSDI	Phân loại
Thanh Hóa	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0	Thấp
Nghệ An	1.3	1.0	1.0	1.3	1.0	1.1	Thấp
Hà Tĩnh	2.0	1.0	1.0	1.3	1.0	1.3	Thấp
Quảng Bình	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	Trung bình
Quảng Trị	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0	1.0	Thấp
Thừa Thiên Huế	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	2.0	Trung bình
Đà Nẵng	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	Cao
Quảng Nam	3.0	2.0	2.0	3.0	2.0	2.4	Trung bình
Quảng Ngãi	2.0	1.7	2.0	2.0	1.3	1.8	Trung bình
Bình Định	2.0	2.0	2.0	3.0	2.3	2.3	Trung bình
Phú Yên	2.0	1.7	2.0	2.0	1.3	1.8	Trung bình
Khánh Hòa	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	Cao
Ninh Thuận	2.3	2.0	2.0	2.0	2.0	2.1	Trung bình
Bình Thuận	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	Cao

Bảng 3. Các yếu tố nổi bật ảnh hưởng đến tiềm năng phát triển thể thao biển

Tỉnh	Yếu tố nổi bật	Thực trạng nổi bật	Nguồn dữ liệu hỗ trợ
Đà Nẵng	Khả năng thu hút và quảng bá	Tổ chức trên 3 sự kiện quốc tế mỗi năm	GSO, Vietnam Tourism
Khánh Hòa	Điều kiện tự nhiên	Nhiều bãi biển chất lượng cao, nước trong, sạch	Tripadvisor, GSO
Bình Thuận	Cơ sở vật chất	Hệ thống cơ sở hiện đại, hỗ trợ kitesurfing	Vietnam Tourism, khảo sát thực địa
Quảng Nam	Khả năng thu hút và quảng bá	Liên kết du lịch Hội An, sự kiện địa phương nổi bật	Vietnam Tourism, khảo sát thực địa
Bình Định	Tác động kinh tế	Sự kiện UIM-F1H2O 2024 thúc đẩy doanh thu	GSO, Vietnam.vn
Ninh Thuận	Điều kiện tự nhiên	Gió ổn định 6-8 tháng, phù hợp lướt ván	GSO, Vietnam Tourism
Quảng Bình	Nguồn nhân lực	Nhân lực cơ bản, mức tham gia cộng đồng khá	Sở Du lịch, khảo sát thực địa
Thanh Hóa	Tác động kinh tế (thấp)	Kinh tế phụ thuộc nghỉ dưỡng, doanh thu thấp	GSO, Tripadvisor



Bình Thuận là nơi phát triển hạ tầng cho các môn thể thao gió rất đa dạng và phong phú

Yên, Ninh Thuận, Quảng Nam) có điều kiện tự nhiên khá, hạ tầng cơ bản, nhân lực trung bình, quảng bá ở mức địa phương, và kinh tế ổn định nhưng chưa tối ưu.

- Nhóm tiềm năng thấp (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị) bị hạn chế bởi điều kiện tự nhiên yếu, hạ tầng thưa thớt, nhân lực kém phát triển, quảng bá gần như không có, và kinh tế thấp.

Qua bảng 3 cho thấy các yếu tố nổi bật ảnh hưởng đến MSDI tại một số tỉnh tiêu biểu. Nhóm tiềm năng cao tận dụng tốt các yếu tố như quảng bá (Đà Nẵng), tự nhiên (Khánh Hòa), và hạ tầng (Bình Thuận). Nhóm trung bình có thể mạnh riêng như liên kết du lịch (Quảng Nam), kinh tế từ sự kiện (Bình Định), hoặc điều kiện tự nhiên (Ninh Thuận), trong khi nhóm thấp như Thanh Hóa bị hạn chế bởi kinh tế yếu. Các yếu tố này được xác minh qua dữ liệu đa nguồn, tăng tính thuyết phục của phân tích.

3. Bàn luận

Kết quả MSDI tại 14 tỉnh duyên hải miền Trung Việt Nam phản ánh sự không đồng đều trong tiềm năng phát triển thể thao biển, chịu ảnh hưởng từ điều kiện tự nhiên, mức độ đầu tư hạ tầng, và sự tham gia cộng đồng. Sự phân hóa này cung cấp cơ sở để đánh giá khả năng khai thác và định hướng chiến lược phát triển phù hợp cho từng nhóm tỉnh.

Nhóm tiềm năng cao (Đà Nẵng, Khánh Hòa, Bình Thuận) nổi bật nhờ sự kết hợp hiệu quả giữa tài nguyên tự nhiên và đầu tư nhân tạo. Đà Nẵng tận dụng các sự kiện quốc tế để quảng bá, Khánh Hòa dựa vào bãi biển chất lượng cao, trong khi Bình Thuận phát triển hạ tầng cho các môn thể thao gió. Mức tham gia cộng đồng cao tại đây cho thấy ý thức thể thao biển đã trở thành một phần

văn hóa địa phương, tạo nền tảng bền vững. Tuy nhiên, áp lực từ du lịch đại trà đặt ra yêu cầu cân bằng giữa phát triển và bảo vệ môi trường biển.

Nhóm tiềm năng trung bình (MSDI 1.8-2.4) sở hữu tiềm năng khá nhưng chưa được khai thác tối ưu. Quảng Nam và Bình Định nổi lên nhờ khả năng liên kết du lịch và tổ chức sự kiện lớn, trong khi các tỉnh như Quảng Bình hay Ninh Thuận có điều kiện tự nhiên tốt nhưng thiếu đầu tư hạ tầng và quảng bá quốc tế. Mức tham gia cộng đồng trung bình cho thấy cần tăng cường giáo dục thể thao để nâng cao tiềm năng.

Nhóm tiềm năng thấp (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị) bị hạn chế bởi điều kiện tự nhiên yếu và thiếu chiến lược phát triển, phụ thuộc chủ yếu vào du lịch nghỉ dưỡng. So với quốc tế (Ahmad & Hanafi, 2018), nhóm này cần đầu tư cơ bản để kích thích sự tham gia cộng đồng và khai thác tài nguyên biển hiệu quả hơn.

So với nghiên cứu quốc tế, MSDI nhấn mạnh vai trò cộng đồng và sự kiện, khác với trọng tâm dịch vụ của Kim & Lee (2020). Nghiên cứu vẫn còn hạn chế do phụ thuộc dữ liệu thứ cấp và chưa xem xét đến các biến đổi khí hậu, cần bổ sung phỏng vấn sâu và yếu tố môi trường trong tương lai.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã xây dựng thành công thang đo định tính MSDI với năm yếu tố chính, cung cấp

một công cụ thực tiễn để đánh giá tiềm năng phát triển thể thao biển tại khu vực duyên hải miền Trung Việt Nam.

Kết quả cho thấy Đà Nẵng, Khánh Hòa, và Bình Thuận đạt tiềm năng cao (MSDI = 3.0), nhờ điều kiện tự nhiên ưu việt, hạ tầng hiện đại, nhân lực chuyên nghiệp, quảng bá hiệu quả, và kinh tế vượt trội. Bảy tỉnh (Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận, Quảng Nam) có tiềm năng trung bình (MSDI 1.8-2.4), với nền tảng khá nhưng cần đầu tư hạ tầng và giáo dục cộng đồng. Bốn tỉnh (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị) thuộc nhóm tiềm năng thấp (MSDI 1.0-1.3), đòi hỏi chiến lược cơ bản để khai thác tài nguyên biển.

Nghiên cứu này đóng góp một cơ sở khoa học quan trọng cho việc lập kế hoạch phát triển bền vững thể thao biển tại khu vực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ahmad, S., & Hanafi, I. (2018). Qualitative assessment of stakeholders and visitors perceptions towards coastal tourism development at Teluk Kemang, Port Dickson, Malaysia. *Journal of Coastal Research*, 34(2), 112-125. <https://doi.org/10.2112/JCOASTRES-D-17-00045.1>
2. Côté, J., & Martin, L. J. (2010). Positive youth development as a guiding framework in sport research. *Journal of Sport Psychology*, 32(4), 345-360.
3. General Statistics Office of Vietnam. (2023). Báo cáo kinh tế - xã hội năm 2023. Hanoi: Statistical Publishing House.
4. General Statistics Office of Vietnam. (2024). Niên giám thống kê 2023-2024. Hanoi: Statistical Publishing House.
5. Kim, S., & Lee, H. (2020). A study on the development strategy for marine leisure tourism: Using the IPA method. *Tourism Management Perspectives*, 35, 100712. <https://doi.org/10.1016/j.tmp.2020.100712>
6. Kumar, R. (2016). Economic impacts of sports tourism: A global perspective. *International Journal of Tourism Economics*, 12(3), 45-60.
7. Le, T. H. (2020). Cơ sở vật chất thể thao biển tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp. Hanoi: Sports Science Publishing.

8. Lincoln, Y. S., & Guba, E. G. (1985). *Naturalistic inquiry*. Sage Publications.
9. Nguyen, H. T. (2018). *Geography of Vietnam: Coastal resources and potential*. Hanoi: National University Press.
10. Nguyen, T. V. (2023). Báo cáo phát triển du lịch và thể thao biển tỉnh Bình Thuận. Bình Thuận: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bình Thuận.
11. Pham, H. V. (2021). *Chiến lược quảng bá thể thao biển tại Việt Nam*. Da Nang: Da Nang University Press.
12. Smith, A. (2017). *Sports Development Index: Key factors in sport growth*. London: Routledge.
13. Tran, T. H. (2021). *Comprehensive assessment of coastal tourism potential in Vietnam*. Hanoi: Vietnam Tourism Research Institute.
14. Tripadvisor. (2023a). Visitor reviews and ratings for My Khe Beach, Da Nang. Retrieved from https://www.tripadvisor.com/Attraction_Review-MyKheBeach
15. Tripadvisor. (2023b). Visitor reviews and ratings for Nha Trang Beach, Khanh Hoa. Retrieved from https://www.tripadvisor.com/Attraction_Review-NhaTrangBeach
16. Tripadvisor. (2024). User-generated content on marine sports activities in Central Vietnam. Retrieved from <https://www.tripadvisor.com/MarineSports-CentralVietnam>.
17. Vietnam Tourism. (2024). Vietnam Tourism Information detailed statistics. Retrieved from <https://vietnamtourism.gov.vn/statistics>.
18. Đà Nẵng Department of Culture, Sports and Tourism. (2023). Báo cáo tổng kết hoạt động thể thao biển năm 2023. Đà Nẵng: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đà Nẵng.

(Bài nộp ngày 28/12/2024, Phản biện ngày 3/1/2025, duyệt in ngày 25/1/2025)
 Chịu trách nhiệm chính: Phạm Tuấn Hùng
 Email: tuanhung@gmail.com)

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO

4. Trương Anh Tuấn

Thể dục thể thao Việt Nam trong năm đầu thành lập nước

7. Nguyễn Ngọc Quý

Sự kiện thể thao xanh – khai thác giá trị thương mại dưới góc nhìn kinh tế

11. Nguyễn Thị Xuân Phương

Thực trạng và giải pháp định hướng nghề nghiệp cho sinh viên ngành Quản lý Thể dục thể thao, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

15. Nguyễn Văn Đông

Giải pháp đổi mới hoạt động theo mô hình thể dục thể thao khu dân cư cho người cao tuổi

BÀI BÁO KHOA HỌC

21. Mai Thị Bích Ngọc; Nguyễn Tiến Quân

Đề xuất giải pháp truyền thông trong phát triển sự kiện thể thao tại vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

26. Phạm Tuấn Hùng; Huỳnh Việt Nam

Xây dựng thang đo định tính và đánh giá tiềm năng phát triển thể thao biển tại khu vực duyên hải miền Trung Việt Nam

32. Phạm Văn Thắng

Thực trạng kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên chuyên ngành Bóng rổ, Khoa Giáo dục thể chất Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

39. Nguyễn Thị Phương Oanh

Thực trạng tự học của sinh viên Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh đối với các môn học lý thuyết

45. Nguyễn Thùy Linh

Nghiên cứu lựa chọn bài tập nâng cao thể lực cho học sinh khối 11 trường Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

49. Đặng Ngọc Long

Ứng dụng bài tập nâng cao hiệu quả đập bóng tấn công vị trí số 4 và số 2 cho nam sinh viên đội tuyển Bóng chuyền Trường Đại học Luật Hà Nội

55. Cao Tiến Long; Đỗ Thị Liên Phương

Lựa chọn bài tập phát triển sức nhanh chuyên môn cho nam sinh viên Đội tuyển Cầu lông Trường Đại học Kiến Trúc – Hà Nội

59. Trần Mạnh Hùng

Đánh giá thực trạng thể lực chuyên môn Đội tuyển Bóng đá nam Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

63. Đỗ Quốc Hùng; Lê Quốc Huy

Thực trạng hiệu quả hoạt động các đội tuyển thể thao Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

69. Lưu Quốc Hưng; Hồ Mạnh Trường

Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá sức mạnh tốc độ của nam vận động viên Kiếm Liễu Đội tuyển trẻ Quốc gia

73. Nguyễn Thị Thu Quyết; Nguyễn Thị Việt Nga; Phạm Thị Thu Hà

Thực trạng sức khỏe tâm thần của sinh viên Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

76. Ngô Thị Thanh Xuân

Thực trạng rối loạn lo âu của học sinh Trường Phổ thông năng khiếu Thể dục thể thao Olympic Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

TIN TỨC - SỰ KIỆN VÀ NHÂN VẬT

81. Phạm Tuấn Dũng, Nguyễn Xuân Thuyết

Bài tập giãn cơ tứ đầu đùi

THEORY AND PRACTICE OF SPORTS

4. Truong Anh Tuan

Vietnam Sports in the first year of the country's establishment

7. Nguyen Ngoc Quy

Green sports events – exploiting commercial value from an economic perspective

11. Nguyen Thi Xuan Phuong

Current situation and career orientation solutions for students majoring in Sports Management at Bac Ninh Sports University

15. Nguyen Van Dong

Innovative solutions for residential gymnasium activities for the elderly

ARTICLES

21. Mai Thi Bich Ngoc; Nguyen Tien Quan

Proposing communication solutions in developing sports events in the Northern Midlands and Mountains

26. Pham Tuan Hung; Huynh Viet Nam

Building a qualitative scale and evaluating the potential for marine sports development in the central coastal region of Vietnam

32. Pham Van Thang

Current status of vocational skills of students majoring in Basketball, Faculty of Physical Education, Bac Ninh Sports University

39. Nguyen Thi Phuong Oanh

The current situation of self-study of students at Bac Ninh Sports University for theoretical subjects

45. Nguyen Thuy Linh

Research on selecting exercises to improve physical fitness for grade 11 students at Nguyen Khuyen High School, Nam Dinh city, Nam Dinh province

49. Dang Ngoc Long

Applying exercises to improve the effectiveness of attacking smashes at positions 4 and 2 for male students of the Volleyball Team of Hanoi Law University

55. Cao Tien Long; Do Thi Lien Phuong

Selecting exercises to develop professional agility for male students of the Badminton Team of Hanoi University of Architecture

59. Tran Manh Hung

Assessment of the physical fitness of the Men's Football Team of Ho Chi Minh City University of Technology and Education

63. Do Quoc Hung; Le Quoc Huy

Current status of performance of sports teams of University of Economics - University of Danang

69. Luu Quoc Hung; Ho Manh Truong

Building standards for evaluating the speed strength of male athletes of the National Youth Team

73. Nguyen Thi Thu Quyet; Nguyen Thi Viet Nga; Pham Thi Thu Ha

Mental health status of students at Bac Ninh Sports University

76. Ngo Thi Thanh Xuan

The reality of anxiety disorders of students at the Olympic Sports Gifted High School, Bac Ninh Sports University

NEWS - EVENTS AND PEOPLE

81. Pham Tuan Dung, Nguyen Xuan Thuyet

Quadriceps Stretch



Tạp chí KHOA HỌC

ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO

JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING
Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University

Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

p-ISSN 1859-4417
e-ISSN 3030-4822

Số 1 -2025
(05)

